

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-8-2019  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Dũng;
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 452/2019/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: 5D2 PKB, phường 9, thành phố VT, tỉnh BR – VT (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1989, nơi cư trú: 5D2 PKB, phường 9, thành phố VT, tỉnh BR – VT (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 145, ngày 21 tháng 9 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D ăn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất hòa. Bà đã nhiều lần trả nợ thay cho chồng, hàn gắn hạnh phúc gia

đình, cho ông D cơ hội sửa đổi nhưng ông D vẫn không thay đổi. Khoảng 03 năm gần đây, ông D đi làm ăn bên ngoài, thỉnh thoảng về nhà nhưng tính tình vẫn không thay đổi, cũng không chu cấp kinh tế xây dựng gia đình, nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng của bà với ông D không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Bà và ông D có một con chung tên Nguyễn Lê Phương Linh, sinh ngày 08-8-2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D theo đúng quy định nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu D nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Hữu D cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

## [2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo bà T trình bày: Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông D ăn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất hòa. Bà đã nhiều lần trả nợ thay cho chồng, hàn gắn hạnh phúc gia đình, cho ông D cơ hội sửa đổi nhưng ông D không thay đổi. Khoảng 03 năm gần đây, ông D đi làm ăn bên ngoài, thỉnh thoảng về nhà nhưng tính tình vẫn không thay đổi, cũng không chu cấp kinh tế để xây dựng gia đình, nuôi con. Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi ông D sinh sống có nội dung: Bà T và ông D trong thời gian cư trú tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn nhưng khu phố không nắm được nguyên nhân cụ thể vì các đương sự không trình báo. Khoảng 3 năm gần đây ông D thường xuyên vắng mặt tại địa phương, việc chăm sóc cháu Linh do bà T thực hiện. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D là có thật, ông D không thường xuyên ở nhà chăm sóc vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông D tới Tòa án làm việc nhưng ông D không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông D không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà T và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà T xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với ông D và tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên ý kiến, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà T với ông D là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung, cấp dưỡng: Bà T, ông D có một con chung là Nguyễn Lê Phương Linh, sinh ngày 08-8-2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Linh còn nhỏ, hiện đang sống cùng bà T, cháu phát triển bình thường và được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Linh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Linh.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung, cấp dưỡng:

Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Phương Linh, sinh ngày 08-8-2013; ông Nguyễn Hữu D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Linh mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009444 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà Lê Thị Ánh T đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Hữu D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Ánh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hữu D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Nhơn Nghĩa, H. Phong Điền, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Trà My**